

TỜ TRÌNH

**Về việc thẩm định nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung
xây dựng Khu kinh tế Định An, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040**

Kính gửi: Bộ Xây dựng

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 05/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Định An, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 1216/TTg-CN ngày 30/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ trương điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An, tỉnh Trà Vinh,

Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh kính đề nghị Bộ Xây dựng xem xét, thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040 với các nội dung chính như sau:

1. Tên quy hoạch: Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch xây dựng

Ranh giới Khu kinh tế Định An được giới hạn theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 05/9/2011, với diện tích 39.020 ha, bao gồm: Một phần các xã Hàm Tân, Đại An và toàn bộ thị trấn Định An, xã Định An thuộc huyện Trà Cú; một phần Phường 2 và toàn bộ Phường 1, các xã Long Toàn, Dân Thành, Trường Long Hòa thuộc thị xã Duyên Hải; một phần các xã Ngũ Lạc, Đôn Xuân, Đôn Châu và toàn bộ thị trấn Long Thành, các xã Long Khánh, Long Vĩnh, Đông Hải thuộc huyện Duyên Hải, tứ cận như sau:

- Phía Bắc: Giáp đường tỉnh 914, xã Long Hữu, Hiệp Thạnh (thị xã Duyên Hải), xã Kim Sơn (huyện Trà Cú);

- Phía Tây Nam: Giáp sông Hậu và cửa biển Định An.

- Phía Nam và Đông Nam: Giáp biển Đông với chiều dài bờ biển khoảng 42 km.

3. Thời hạn thực hiện quy hoạch

- Giai đoạn ngắn hạn: Đến năm 2030.

- Giai đoạn dài hạn: Đến năm 2040.

4. Tính chất, mục tiêu và tầm nhìn quy hoạch

a) Tính chất

- Là khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, gồm công nghiệp - thương mại - dịch vụ - du lịch - đô thị và nông - lâm - ngư nghiệp gắn với kinh tế biển.

- Là một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa của tỉnh Trà Vinh và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Là cửa ngõ giao thương hàng hải quốc tế và đầu mối giao thông quan trọng của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và duyên hải Nam Bộ.

- Có vị trí chiến lược về an ninh quốc phòng của vùng và quốc gia.

b) Mục tiêu

- Từng bước xây dựng Khu kinh tế Định An trở thành hạt nhân tăng trưởng, trung tâm đô thị - công nghiệp - dịch vụ - du lịch của tỉnh Trà Vinh, cũng như vùng Đồng bằng sông Cửu Long; là đầu mối giao lưu quốc tế quan trọng, cửa ngõ ra biển Đông của hành lang sông Hậu và là cầu nối quốc tế của các thị trường Campuchia, Lào, Thái Lan,...

- Hoàn thiện cấu trúc không gian chức năng toàn khu và từng khu vực, nâng cao hiệu quả đầu tư, tạo giá trị gia tăng cho khu kinh tế.

- Tạo cơ sở thuận lợi cho việc lập các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư và kêu gọi đầu tư xây dựng, quản lý, bảo tồn và phát triển theo quy hoạch.

c) Tầm nhìn

Đến năm 2040, Khu kinh tế Định An là một trong những đô thị biên; trung tâm năng lượng; trung tâm phát triển kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực quan trọng của quốc gia.

5. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu

a) Quy mô dân số

- Quy mô dân số hiện trạng khoảng 125.269 người.
- Dự báo quy mô dân số đến năm 2030 khoảng 158.000 - 160.000 người.
- Dự báo quy mô dân số đến năm 2040 khoảng 190.000 - 195.000 người.

b) Quy mô đất đai

- Giai đoạn đến năm 2030:

+ Đất xây dựng : 3.000 - 3.200 ha.

+ Đất xây dựng đô thị : 800 - 1.000 ha.

- Giai đoạn đến năm 2040:

+ Đất xây dựng : 4.200 - 4.500 ha.

+ Đất xây dựng đô thị : 950 - 1.050 ha.

- Chỉ tiêu đất khu dân cư nông thôn bình quân giai đoạn đến năm 2030 khoảng 150 - 160 m²/người; đến năm 2040 khoảng 130 - 140 m²/người.

(Các dự báo này sẽ được cụ thể trong quá trình nghiên cứu lập đồ án điều chỉnh quy hoạch).

c) Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật

STT	Chỉ tiêu	Năm 2030	Năm 2040
1	Mật độ đường chính	7 km/km ²	8 km/km ²
2	Tỷ lệ đất giao thông/đất xây dựng	20%	20%
3	Cấp nước sinh hoạt	120 lít/người/ngày đêm	120 lít/người/ngày đêm
4	Vệ sinh môi trường (rác thải)	0,8 - 1,2 kg/người-ngày	0,8 - 1,2 kg/người-ngày
5	Cấp điện sinh hoạt	400 -750 kWh/người.năm	400 -750 kWh/người.năm
6	Cấp điện phục vụ công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp	350 kW/ha	350 kW/ha

6. Nội dung cần nghiên cứu

a) Yêu cầu trọng tâm

- Xác định và đánh giá những nội dung đã làm được trong giai đoạn từ khi phê duyệt đến trước khi điều chỉnh.

- Rà soát tổng thể về nội dung quy hoạch chung đã được phê duyệt và tình hình thực tiễn phát triển tại khu kinh tế, trong mối liên quan với quy hoạch vùng; bổ sung các lĩnh vực nghiên cứu mà quy hoạch chung chưa đề cập.

- Xác định các nội dung chưa thực hiện được cần thiết phải điều chỉnh.

b) Nội dung cần nghiên cứu

- Phân tích đánh giá vị trí và liên hệ vùng.

- Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên và hiện trạng:

+ Tình hình thực hiện theo quy hoạch chung đã được phê duyệt: Tóm tắt, phân tích nội dung các định hướng chính theo quy hoạch chung đã được phê duyệt và điều chỉnh cục bộ; đánh giá thực trạng công tác triển khai quy hoạch, các nội dung đã đạt được, chưa đạt được, khó khăn, vướng mắc; đề xuất các yếu tố cần điều chỉnh.

+ Đánh giá điều kiện tự nhiên và môi trường.

+ Đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội.

+ Hiện trạng dân cư, lao động, việc làm.

+ Hiện trạng đất đai.

+ Phân tích cấu trúc, thực trạng phát triển đô thị, tình hình triển khai các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt; nêu các thành tựu, khó khăn, vướng mắc, đề xuất phương hướng.

+ Đánh giá hiện trạng các hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường, bao gồm các lĩnh vực: Giao thông; cao độ nền và thoát nước mưa; cung cấp năng lượng, chiếu sáng; hạ tầng viễn thông thụ động; cấp nước; thoát nước thải, thu gom và quản lý chất thải rắn, quản lý nghĩa trang; bảo vệ môi trường.

+ Rà soát đánh giá hiện trạng các khu chức năng đã được phê duyệt nhưng hiện nay không còn phù hợp, đề xuất giải pháp phù hợp hơn.

+ Tổng hợp, kết luận về phân tích đánh giá hiện trạng.

- Dự báo phát triển đô thị:

+ Dự báo quy mô dân số, đất đai.

+ Dự báo nhu cầu không gian phát triển kinh tế - xã hội.

- Xây dựng viễn cảnh, tầm nhìn, chiến lược khung và đề xuất các chỉ tiêu kinh tế xã hội.

- Định hướng phát triển không gian.
- Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội.
- Thiết kế đô thị: Xác định các vùng kiến trúc, cảnh quan, các khu vực trung tâm, khu vực cửa ngõ của đô thị, trục không gian chính, quảng trường lớn, không gian cây xanh - mặt nước, điểm nhấn trong đô thị và đề xuất nguyên tắc, yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc cho các khu đô thị hiện hữu và mở rộng.
- Quy hoạch sử dụng đất: Xác định các khu vực chức năng, định hướng và nguyên tắc phát triển; xác định các chỉ tiêu về mật độ dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị; đề xuất kế hoạch sử dụng đất theo từng giai đoạn phát triển, hạn chế và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến cộng đồng dân cư hiện trạng khi chưa thực sự cần thiết; xác định quỹ đất dự kiến xây dựng đô thị, ranh giới các khu vực đô thị và nông thôn nhằm khai thác đất đai hiệu quả và bền vững.
- Định hướng xây dựng hạ tầng kỹ thuật khung: Đề xuất các giải pháp cao độ nền và thoát nước mặt; mạng lưới giao thông; cấp nước; cấp điện và chiếu sáng; hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động; thoát nước thải và thu gom xử lý chất thải rắn.
- Đánh giá môi trường chiến lược và ứng phó biến đổi khí hậu
- + Dự báo và đề xuất giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu.
- + Dự báo các tác động môi trường từ các hoạt động phát triển đô thị, dân cư, sản xuất nông, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản, giao thông, công nghiệp, khai thác cảng... Đề xuất các giải pháp theo dõi, giám sát tác động môi trường của các lĩnh vực trên.
- Đề xuất các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện.
- Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng: Thực hiện theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

7. Hồ sơ, tiến độ và kinh phí thực hiện

a) Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù, cụ thể:

- Bản vẽ bao gồm: Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng; bản đồ ranh giới, phạm vi nghiên cứu lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng.
- Thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch.
- Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

- Các văn bản pháp lý có liên quan.

b) Tiến độ thực hiện: 12 tháng (theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ).

c) Dự toán kinh phí lập quy hoạch: Thực hiện theo Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

d) Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

8. Tổ chức thực hiện:

- Cấp phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan thẩm định: Bộ Xây dựng.

- Cơ quan trình phê duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Cơ quan được giao tổ chức lập quy hoạch: Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh.

- Tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng tổng hợp.

Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh kính trình Bộ Xây dựng thẩm định Nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Như trên;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Các Sở: XD, KH&ĐT;
- Ban Quản lý KKT Trà Vinh;
- BLĐVP.UBND tỉnh;
- Phòng THNV;
- Lưu: VT, Phòng CNXD. *04*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trung Hoàng